

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ TRÚC ĐÀO

**CẢM THỨC THIÊN TRONG THƠ
PHẠM THIÊN THƯ**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số : 60.22.34**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Hương

Phản biện 1: TS. Phan Ngọc Thu

Phản biện 2: TS. Hồ Sỹ Nguyên

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 05 năm 2013.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Đến với thơ Phạm Thiên Thu là đến với một tiếng thơ hay và đẹp. Để có một cái nhìn toàn diện, một sự ghi nhận thỏa đáng và trên hết là khẳng định nền thơ ca Việt Nam hiện đại (ở cả hai miền Nam, Bắc) đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ thì không thể bỏ qua sự đóng góp của dòng thơ trữ tình với bộ phận các thi sĩ miền Nam trong những thập niên 60 -70 của thế kỷ XX, mà Phạm Thiên Thu là một trong những số đó. Ông là nhà thơ đã có được những đóng góp không nhỏ cho thơ Việt Nam hiện đại ở miền Nam trong giai đoạn này.

Chọn đề tài “*Cảm thức Thiền trong thơ Phạm Thiên Thu*”, luận văn này nhằm đưa ra một cái nhìn cụ thể, hệ thống cùng sự đánh giá khách quan, rõ nét về những vần thơ mang âm hưởng Thiền của Phạm Thiên Thu. Với một phong cách thơ trữ tình đặc trưng, Phạm Thiên Thu đã khẳng định sự đóng góp của mình vào trong dòng thơ mang tinh thần Thiền giai đoạn 1960-1975 nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Với tư cách là một đối tượng nghiên cứu của văn học, ở miền Nam vào cuối thập niên 60 của thế kỷ XX đến nay, Phạm Thiên Thu đã được đón nhận với nhiều thiện cảm và động viên khích lệ từ phía bạn đọc cũng như giới nghiên cứu phê bình văn học.

2.1. Những bài viết, công trình liên quan gián tiếp đến đề tài

**Trước 1975*

Có thể kể đến những bài viết, nhận xét của nhà văn Tam Ích, tập trung nhất là thi phẩm *Động Hoa Vàng* cùng *Đoạn trường vô thanh*. Sau Tam Ích, phải kể đến nhà sư Huyền Không, Vương

Mộng Giác; Lê Văn Siêu, nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh; nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải; thi sĩ Vũ Hoàng Chương... đặc biệt, nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo, đánh giá Phạm Thiên Thu chính là “*nhà thơ viết Hậu Truyện Kiều thành công hơn cả*”. Không chỉ dừng lại ở đó, thơ Phạm Thiên Thu còn lôi cuốn được cả giới nhạc sĩ như Phạm Duy, Thẩm Oánh,...Theo chúng tôi, những nhận xét, đánh giá trên chỉ mang tính thưởng thức, cảm nhận cá nhân của các nhà thẩm bình thơ Phạm Thiên Thu mà chủ yếu là tập trung vào thi phẩm *Đoạn trường vô thanh*. Tuy nhiên nó lại có tác dụng rất lớn trong việc kêu gọi, kích thích lòng say mê tìm hiểu các thi phẩm khác thuộc sáng tác của nhà thơ Phạm Thiên Thu.

*** Sau 1975**

Nhờ vào các phương tiện thông tin đại chúng, từ sau 1975, bạn đọc trên cả nước đã biết đến Phạm Thiên Thu nhiều hơn. Tên tuổi thi sĩ họ Phạm đã được nhắc đến trong nhiều bài viết, bài báo trên tạp chí và một số công trình nghiên cứu, phê bình văn học. Tiêu biểu là một số bài viết như bài “*Nhà thơ Phạm Thiên Thu - Vị tu sĩ lãng mạn*” của nhà báo Trần Hoàng Nhân; “*Phạm Thiên Thu tự cứu mình bằng thơ*” của Nguyễn Anh; “*Phạm Thiên Thu với Ngày xưa Hoàng Thị..*” của Trọng Trịnh; Tuệ Lãng - “*Phạm Thiên Thu, thi sĩ của những điều kỳ lạ*”, v.v... là những bài viết mà nội dung có sự tìm hiểu về chân dung nhà thơ và những ảnh hưởng từ cuộc đời đến quan niệm sáng tác thơ văn của tác giả.

2.2. Những bài viết, công trình liên quan trực tiếp đến đề tài

Đề cập trực tiếp đến thơ Thiên Phạm Thiên Thu thì không có nhiều, trong số ít đó có công trình nghiên cứu *Tổng quan văn học miền Nam* của nhà văn Võ Phiến.

Nhiều bài viết đề cập trực tiếp đến thơ Phạm Thiên Thu. “*Động Hoa Vàng của Phạm Thiên Thu - Cõi Thiên hay không gian thoát tục*”; “*Động Hoa Vàng của Phạm Thiên Thu nhìn từ văn hóa Thiên*” của tác giả Hồ Tấn Nguyên Minh; “*Một cách tiếp cận thơ Thiên*” tác giả Bùi Công Thuần. Đây là những bài viết có cái nhìn, cảm nhận khá tinh tế về các phương diện nội dung và nghệ thuật trong thơ Phạm Thiên Thu. Ngoài ra, đã có một số khóa luận, luận văn nghiên cứu về thơ Phạm Thiên Thu như: Trần Thị Thương (2011), *Đặc điểm thơ Phạm Thiên Thu*, ĐHSP. Huế...

Điềm qua các bài viết kể trên, chúng tôi nhận thấy điềm chung đó là các tác giả tập trung vào các công việc: *khắc họa chân dung của thi sĩ họ Phạm với một phong cách riêng, những nhận định, đánh giá đã ghi nhận những đóng góp của Phạm Thiên Thu cho nền thơ Việt Nam hiện đại vào những thập niên 60-70 của thế kỷ XX*. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về thơ Phạm Thiên Thu, đặc biệt là dưới góc độ cảm thức Thiên. Từ những nhận định, đánh giá ở trên, chúng tôi tiếp tục triển khai các nội dung liên quan đến đề tài.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Để rút ra những luận điềm khoa học trong luận văn, chúng tôi tìm hiểu các tác phẩm: *Ngày xưa người tình, Những lời thược dược, Nhân gian*. Thi hóa từ Kinh Phật có: *Qua suối mây hồng, Suối nguồn vi diệu*. Đặc biệt là *Đạo ca, Động Hoa Vàng và Đoạn trường vô thanh* để làm rõ vấn đề một cách toàn diện hơn.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài này, người viết tập trung khảo sát thể giới thơ Phạm Thiên Thu trong phạm vi của tinh thần Thiên qua

các góc độ: Cảm thức Thiên trong thơ Phạm Thiên Thư nhìn từ quan niệm về thế giới và con người và Cảm thức Thiên trong thơ Phạm Thiên Thư nhìn từ nghệ thuật biểu hiện.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, chúng tôi sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau: *Phương pháp hệ thống; Phương pháp phân tích – tổng hợp; Phương pháp so sánh*

5. Đóng góp của đề tài

5.1. Khẳng định những đóng góp riêng cả về số lượng và chất lượng của thơ Phạm Thiên Thư cho nền văn học miền Nam Việt Nam nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung giai đoạn 1960-1975.

5.2. Nghiên cứu “*Cảm thức Thiên trong thơ Phạm Thiên Thư*” nhằm nhấn mạnh Phạm Thiên Thư là một nhà thơ có phong cách trữ tình đặc trưng với một tiếng thơ hay và đẹp.

5.3. Khẳng định tinh thần tìm về phương Đông trong văn học Việt Nam hiện đại và đem đến cho người đọc phần nào hình dung được diện mạo đa dạng và phong phú của thơ Việt Nam hiện đại với những giá trị không chỉ được định hình ở ngày hôm qua, hôm nay mà còn có ý nghĩa ở ngày mai.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo nội dung chính của luận văn được chia làm ba chương chính.

Chương 1: Hành trình thơ Phạm Thiên Thư từ góc độ Thiên

Chương 2: Cảm thức Thiên trong thơ Phạm Thiên Thư nhìn từ quan niệm về thế giới và con người

Chương 3: Cảm thức Thiên trong thơ Phạm Thiên Thư nhìn từ nghệ thuật biểu hiện

Chương 1

HÀNH TRÌNH THƠ PHẠM THIÊN THU’

TỪ GÓC ĐỘ THIỀN

1.1. Tinh thần Thiền trong văn học

1.1.1. Giới thuyết khái niệm

Thiền là nói tắt, nói đầy đủ là Thiền na, phiên âm theo ngôn ngữ Ấn Độ là Dhyana. Dhyana được dịch là tịch lự, nghĩa là trầm tư về một chân lý, một triết lý hoặc đạt đến chỗ ngộ và in sâu vào trong tâm thức. Xung quanh khái niệm “Thiền là gì?” có nhiều quan điểm khác nhau. Theo tác giả Lịch sử Phật giáo Việt Nam :“Thiền là phương pháp tự tĩnh, tự giác, tự ngộ, tự chứng” [50, tr.270]. GS. Nguyễn Đăng Thục trong Thiền học Việt Nam:“...cho Thiền là kết quả của sự gặp gỡ phối hợp giữa Phật giáo Ấn Độ và Đạo giáo Trung Hoa”[49, tr.13]. Theo Suzuki: “Thiền, cốt yếu nhất, là nghệ thuật kiến chiếu vào thể tánh của chúng ta; nó chỉ con đường từ triền phược đến giải thoát”[8, tr. 9]. Từ thực tế hướng tiếp cận của đề tài, trên cơ sở kế thừa những thành quả của những nhà nghiên cứu trước đó, người viết nêu quan điểm của mình về khái niệm Thiền là gì? Thiền là nghệ thuật giúp ta cảm nhận được giá trị đích thực của cuộc sống, thấy được chân tướng của cái “Thế Giới Y Như Thực” theo tinh thần Phật giáo.

1.1.2. Sơ lược về tinh thần Thiền trong văn học phương Đông

Xuất phát từ cách hiểu về Thiền nói trên, có thể khẳng định, cùng với việc ảnh hưởng của Phật giáo, tinh thần Thiền thấm đẫm trong văn hóa cũng như văn học nghệ thuật ở các nước Á Đông. Đặc biệt là ảnh hưởng Thiền đã in dấu ấn sâu đậm trong thơ từ thơ Hai- kur (Nhật Bản- đại biểu là Basho), đến thơ Đường (Trung Quốc-

đại biểu là thi Phật Vương Duy) và thơ Thiền Lí-Trần (trung đại), thơ văn mang âm hưởng Thiền (hiện đại) Việt Nam.

Thiền trong thơ Hai-ku của Basho (Nhật Bản)

Đặc điểm của thơ hai-ku là giản lược tối đa chữ nghĩa, vận dụng trí tưởng tượng nơi người đọc với niềm rung cảm sâu sắc, sự liên hệ tinh tế, hài hòa về một khoảnh khắc của đất trời. Trong thơ hai-ku có sự dung hợp giữa Thiền và Thơ. Đi từ một sự vật cụ thể thật nhỏ nhoi tầm thường để dẫn dắt người đọc vào cõi mênh mông bát ngát không hình tượng. Như vậy, có thể thấy, hai-ku mang âm hưởng của tinh thần Thiền rõ nét. Mỗi hình ảnh trong thơ hai-ku còn được xem là một quan hệ biện chứng giữa tĩnh và động như một công án, một tiếng chuông chiêu mộ thức tỉnh ngộ tính con người.

Thiền trong thơ Vương Duy (Trung Quốc)

Vương Ma Cật được người đời xưng tụng là thi Phật. Thơ Vương Duy là một sự kết hợp hài hòa một cách vi diệu giữa Thiền, Thơ và Họa. Điểm gặp gỡ giữa thơ hai – ku của Basho với thơ của Vương Duy chính là những vần thơ mang cảm thức Thiền.

Thế giới thơ ca Vương Duy phản ánh rõ nét cốt cách và tâm vóc của ông. Nhìn từ góc độ cảm hứng giải thoát, chúng ta nhận thấy: thơ ông chứa đựng không gian thiên nhiên có màu sắc nội tâm u huyền, cảm thức vũ trụ mang nội dung mỹ cảm thiền. Đây là những yếu tố rất tương hợp và thống nhất với cốt cách tài hoa, tài tử của ông, mang rõ những ảnh hưởng văn hóa mỹ học của thời thịnh Đường mà ông là một trong những đại diện tiêu biểu nhất

Thiền trong văn học Việt Nam

Cùng trong dòng chảy của nền văn học phương Đông, cùng chịu ảnh hưởng của văn hóa Thiền, thơ thời Lý -Trần được xem là đỉnh cao nghệ thuật, thành tựu to lớn của nền văn học cổ điển Việt Nam.

Sự tương hợp về cảm thức thẩm mỹ cũng là một biểu hiện của quá trình gặp gỡ, giao lưu và tiếp biến trong các nền văn học của các quốc gia Á Đông. Ta có thể bắt gặp sự tương hợp đó giữa Basho, Vương Duy với Thiền sư Huyền Quang (1254 – 1334) và Phật hoàng Trần Nhân – những đại biểu xuất sắc cho nhiều nhà thơ – thiền sư khác trong thơ Thiền Lý Trần. Hai ông đã để lại nhiều áng thơ vào hàng tuyệt tác trong nền thi ca cổ điển dân tộc. Đằng sau những thi phẩm ấy là những tâm tình với khát khao hoà nhập vào thiên nhiên, vào cuộc sống; gửi gắm vào đó những chiêm nghiệm về lẽ vô thường của con người trước cái hằng thường của vũ trụ.

Tiếp nối dòng thơ Thiền Việt Nam thời trung đại, trước 1975, ở miền Nam Việt Nam, ảnh hưởng của Thiền lan rộng qua các tác phẩm thi ca. Và một hiện tượng nổi bật đó là nhà thơ Quách Tấn. Ông được Phạm Công Thiện đánh giá: “...Quách Tấn xứng đáng là kẻ nối dòng của Không Lộ thiền sư, (...) tất cả những thiền sư thi sĩ đã nuôi dưỡng linh hồn của cả một dân tộc...” [17, tr.106]. Quách Tấn là một người Phật tử trọn vẹn, đã thu tóm tất cả những mơ mộng của Phật giáo vào trong cuộc đời trầm lặng của mình...” [17, tr. 107]. Cái “trầm lặng” trong đời cũng như trên những vần thơ Quách Tấn cũng là điểm gặp gỡ trong cái tịch lặng Sabi- thơ hai-ku của Basho và cái tĩnh lặng trong thơ Đường của Vương Duy. Ở sự hòa điệu trong một tính thể đồng nhất giữa con người và thiên nhiên trong một tâm thế an nhiên, tự tại của thơ Thiền thời trung đại Việt Nam. Sau Quách Tấn, phải kể đến Phạm Thiên Thư.

1.2. Phạm Thiên Thư- từ cuộc đời đến những trang thơ

1.2.1. Nhà thơ thiền giữa cõi tục

Phạm Thiên Thư đã từng là tu sĩ Phật giáo với pháp danh Thích Tuệ Không trong gần 10 năm. Trong thời gian này, ông sáng

tác được nhiều tác phẩm hay từ kinh Phật, đạo Thiền, đến thi ca. Năm 1975, tu sĩ Thích Huệ Không đã “xuống núi”, hoàn tục rồi xây dựng gia đình. Sau năm 1983, sự đam mê nghiên cứu Thiền học đã giúp thi sĩ họ Phạm nghiệm ra phương pháp chữa bệnh điện công Phathata từ những cách tham thiền và Yoga. Vì lẽ đó, mọi người xem ông là *vị tu sĩ giữa cõi tục*. Là một người thấm nhuần tư tưởng Phật giáo song Phạm Thiên Thư lựa chọn lối sống tu hành giữa cõi tục như tự đặt ra khó khăn, thử thách để buộc chính mình phải nỗ lực rèn luyện, vươn tới cõi vô ưu và thấu đạt chân lý Thiền.

1.2.2. Chất Thiền trên những trang thơ

Phạm Thiên Thư in tập thơ đầu tay lúc 30 tuổi, nổi danh với những điều kỳ lạ và đã đóng góp cho văn học Việt Nam nhiều tác phẩm độc đáo. Ông đã thi hóa 7 bộ kinh Phật, Phạm Thiên Thư được xem là *người đầu tiên thi hóa kinh Phật trong nền văn học Việt Nam*. Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã ghi nhận hai kỷ lục của Phạm Thiên Thư. Đó là: Người đầu tiên thi hóa kinh Hiền Ngu chuyển thể thi hóa thành 12062 câu thơ lục bát kinh Hiền Hội Hòa Đàm, và là người đầu tiên sáng tác *Từ điển cười* (Tiểu liệu pháp) gồm 5000 từ ngữ dưới hình thức thơ ca (...).v..v.

Phạm Thiên Thư chính là một nhà thơ với phong cách trữ tình rất khó trộn lẫn. Với Phạm Thiên Thư, những thành công lớn đầu tiên của nhà thơ chính là những thi phẩm ở dạng thơ đạo. Trong tập *Thơ Phạm Thiên Thư* (1968) có nhiều bài mang âm hưởng Thiền. Mang đến cho ông giải thưởng Văn chương Toàn Quốc (miền Nam Việt Nam) vào năm 1973 đáng chú ý nhất có lẽ là tác phẩm: *Động Hoa Vàng* (1971), *Đạo ca* và *Hậu Truyện Kiều – Đoạn Trường Vô Thanh* (1972); những công trình thi hóa kinh Phật của nhà thơ Phạm Thiên Thư : *Qua suối mây hồng* - Kinh Ngọc, *Suối nguồn vi diệu* -

Kinh Thơ, *Hội Hoa Đàm*. Phải thấy rằng thi hóa kinh Phật là một việc làm hết sức can đảm và đầy sáng kiến. Điều đó làm nên nét riêng độc đáo trong cuộc đời cũng như sự nghiệp sáng tác thơ ca của Phạm Thiên Thư và đó còn là chân giá trị hiếm có trong văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại.

*** Tiểu kết:**

Trong quá trình vận động và phát triển việc ảnh hưởng và tiếp biến văn học đã trở thành một hiện tượng khá phổ biến trong các nền văn học của các quốc gia. Trong đó có Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam. Cùng với việc tiếp nối truyền thống - thơ Thiền thời Lí - Trần , thơ ca hiện đại Việt Nam đã tạo nên được những dấu ấn riêng. Có thể thấy điều đó trong tiếng thơ mang âm hưởng Thiền của Quách Tấn, Phạm Thiên Thư... Dù ở những phương trời khác nhau, thi ca ở các quốc gia này đều thấm đẫm một tinh thần Thiền uyên nguyên, thanh thoát và thâm diệu đến vô cùng.

Chương 2

CẢM THỨC THIỀN TRONG THƠ PHẠM THIÊN THƯ NHÌN TỪ QUAN NIỆM VỀ THẾ GIỚI VÀ CON NGƯỜI

2.1. Thế giới vô thường

Vô thường là một định luật phổ biến, bao gồm cả vũ trụ và nhân sinh. Vì thế, khi đến với những vần thơ mang âm hưởng Thiền của Phạm Thiên Thư, nhìn từ quan niệm về thế giới và con người, người đọc cảm nhận được những biểu hiện đa diện về một thế giới vô thường trong thơ của ông.

2.1.1. Đời là cõi tạm

“Vô thường” hay là “không thường” nghĩa là “thay đổi theo từng giây phút một... Vạn vật vô thường. Đời là cõi tạm. Quan niệm vạn vật vô thường được thể hiện phổ biến từ thơ cổ điển Huyền Quang, Phật hoàng Trần Nhân Tông thời trung đại đến tiếng thơ hiện đại của Xuân Diệu, Quách Tấn.

Sau khi đến với Thiền học và Phật pháp và ngộ ra được lẽ vô thường của thế giới, nhân sinh, Phạm Thiên Thư đã lấy Vô Thường làm một đề tài trong thơ mình. Trong cõi vô thường đó, con người sống trên cõi đời này chỉ giống như hành trình của người lữ khách “*ở trọ trần gian*”. Và cõi vô thường chính là chốn Đi - Về nhiệm màu vẫn hiện hữu trong cuộc sống hằng thường, mà điểm tựa của nó chính là cõi tâm của mỗi chúng ta. Tính chất ngắn ngủi biến thiên của kiếp sống nơi cõi vô thường, một khi đã ý thức “đời là cõi tạm”, không phải để con người buông xuôi hay bi quan yếm thế. Mà để từ đó, con người biết vượt lên khỏi những khổ lụy trong cuộc sống thường hằng.

Có thể nói, viết về cõi vô thường – đời là cõi tạm, cũng là viết về cái Chân không ẩn tàng Diệu hữu. Phạm Thiên Thu đã hòa gắn dòng cảm xúc Đời dạt dào với ý niệm về Đạo Thiên – Phật trong những tứ thơ siêu thoát về cõi vô thường. Đây là một cõi Đẹp riêng trong thơ của Phạm Thiên Thu.

2.1.2. Kiếp người hư không

Theo Phật - lý, “kiếp người là thời vận, nói toàn vận của vũ trụ gọi là đại- kiếp, nói riêng về đời người là tiểu- kiếp, mỗi đời người trải qua ba kiếp gọi là kiếp kiếp (như nghĩa chữ tam sinh- kiếp trước, kiếp này và kiếp sau)” [2, tr. 344]. Điều này tương ứng với dòng thời gian: quá khứ - hiện tại - vị lai. Song, Có – Không dòng thời gian ấy? Câu trả lời liền tiếp là Hư không. “Hư không là khoảng không bao la” (Từ điển Phật Quang); là “không thực, không có, không vào đâu cả”; là “trống không” [2, tr. 326]

Cuộc sống một kiếp người “trăm năm trong cõi người ta” tưởng dài nhưng nó chỉ thoáng qua như chớp mắt. Thức nhận được cái nhỏ nhoi, phù du của đời sống, cái cô đơn mỏng manh của phận người, thơ Phạm Thiên Thu đã thể hiện rõ điều đó: “*Ta soi mình trên đá/ Để thấy là hư không*”(Vũ khúc hồng,Tập: Những lời thược dược). Điều đó chứng thực, đi hay về thì cũng chỉ là Một, là hư không mà thôi. Sống trong đời, những tưởng mỗi con người đều có một cõi đi về riêng mình. Nhưng không, đi hay về, đó phải chăng chỉ là cuộc đặng trình mà mỗi người đến “vui chơi trong cuộc đời” để rồi lại trở về với hư không? Kiếp người hư không - đó chính là sự thức nhận và luân chuyển hợp theo lẽ vô thường.

2.1.3. Tình như chiêm mộng

Vạn vật vô thường, đời là cõi tạm, kiếp người hư không, con người biết tựa vào đâu để còn thấy và tin rằng cuộc đời vẫn đẹp, vẫn

còn nhiều niềm vui sống. Và trên hết là con người còn cảm nhận được trong cuộc tồn sinh này, đời sống thật sự có ý nghĩa? Câu trả lời - Đó là TÂM LÒNG, là Tình Đời, Tình Người mà biểu hiện trước tiên, trên hết và cao nhất, là Tình Yêu giữa Con Người với Con Người. Nhận định về chữ Tình (Tình Yêu) trong *Thiền luận*, Suzuki có viết: “bằng sự thức tỉnh của tình yêu, ta thoáng nhận ra cái vô cực,(...) đó là bước đầu trong cuộc đăng trình của cái tôi đi đến vô cực [8, tr. 17]. Vậy mới thấy, đến tận cùng bản chất tình yêu giữa người với người là sự tự nhiên nhiên trong ta giữa cái đại thể. Sự trực nhận ấy là Thiền, là sức mạnh của đời sống. Với Phạm Thiên Thu, đời sống “không phải là sự trở về mà là sự ra đi đột biến, sự vượt cầu vào mây khói. Cây cầu lửng như là dấu nối ngắn ngủi giữa hai đầu của sự vô cùng (...).Trong đó, TÌNH YÊU là CHÂN TƯỚNG CỦA VÔ CÙNG(...)- NGỤ TỪ BẤT TUYỆT THIÊN THU”[57, tr.73]. Là thi nhân cũng có nghĩa là tình nhân. Tất cả các thi sĩ xưa nay đều vẫn vấp bởi một chữ tình. Và, chính qua những vần thơ đó hiện lên đầy đủ nhất khuôn mặt thi nhân. Bên cạnh các công trình thi hóa kinh Phật, những vần thơ Phạm Thiên thu viết thành công nhất lại chính là những vần thơ viết về tình yêu. Song, tình yêu ấy cũng chịu sự chi phối của lẽ vô thường. Có đầy rồi lại không, mong manh và hư ảo như giấc mộng, như chiêm bao: “*Vui buồn trong giấc chiêm bao/ Rồi đem mộng tưởng khép vào tâm can*”. Tình yêu ấy mang một vẻ đẹp lạ thường, rất riêng : vừa tinh khôi, vừa tha thiết lại vừa ẩn giấu nét tình hư không.

Cái hay và độc đáo trong thơ Phạm Thiên Thu khi cảm nhận về lẽ vô thường với những biểu hiện đa diện: Đời là cõi tạm, kiếp người hư không và tình yêu mang một vẻ đẹp huyền hồ, hư ảo của chốn Thiền môn thanh thoát, diêu vợi. Với một cách thể hiện vừa

bay bổng lại vừa mang màu sắc Thiền, Phạm Thiên Thu đã tạo được nét tài hoa, sâu sắc và tinh tế trong tiếng thơ của riêng mình.

2.2. Con người vô ngã

Vô ngã là một trong những phạm trù căn bản của Phật giáo. Theo giáo lý nhà Phật, Vô ngã và hữu ngã, vẫn còn là những ẩn tàng nơi những ngòi bút mãi thao thức với nền văn học cổ điển một thời. Vô ngã, vì vậy, vẫn là một “ẩn số” mỹ học trong nền văn học phương Đông. Sẽ không nói nhiều đến cái Vô Ngã trong thơ thiền. Người viết chỉ tập trung vào những vần thơ của Phạm Thiên Thu mang tính cảm thức về cái vô ngã đó như thế nào, mà biểu hiện đầu tiên của cái gọi là Vật ngã đồng nhất đó là sự hòa nhập giữa con người và thiên nhiên, vũ trụ.

2.2.1. Vật ngã đồng nhất

Thuyết di tình tác động (Vật ngã đồng nhất) được Chu Quang Tiềm đề cập trong Tâm lý văn nghệ, ở một góc độ nào đó, là một thứ “ảo giác” xác đáng và trân quý của nghệ thuật.(...) ta đã “tìm thấy được tự ngã của mình nơi ngoại vật” (Hegel)[39]. Tự ngã nơi ngoại vật có thể hiểu đó là thời khắc tâm thức cá nhân hòa nhập với tâm thức vũ trụ. Là sự tương thông giữa con người và thiên nhiên, đặt cái hằng thường vào trong cõi vô thường đó, nhà thơ Phạm Thiên Thu còn giúp ta hiểu được: “*Ta cũng là không Ta / Không Ta mà có Ta* [56, tr. 136]. “Không Ta” tồn tại cùng “Ta” như để biện chứng lẫn nhau, giúp con người nhìn nhận một cách đầy đủ hơn về cuộc đời trong cõi vô thường. Vậy là, với đôi mắt “độc huyền”, Phạm Thiên Thu khi: “*Mở mắt ta nhìn thêm*”/ “*thấy chính mình vô ngã*”.

Có thể nói, cảm thức về cái Vô Ngã qua vẻ đẹp của thiên nhiên trong sự hòa nhập giữa tâm thức cá nhân vào tâm thức vũ trụ biểu hiện trong thơ Phạm Thiên Thu là cái đẹp có từ trong thế giới

cuộc sống hiện thực, trong cõi hư vô, trong miền giấc mộng. Vì lẽ đó mà thiên nhiên đi vào trong thơ của Phạm Thiên Thư với một gương mặt riêng, đậm sắc thái Thiền.

2.2.2. Hành thiền giữa cõi tục

a. “Cuộc rong chơi như nước xanh”

“Cung cách thân nhiên của vách núi”, “cuộc rong chơi như nước xanh” đã đi vào trong thơ Phạm Thiên Thư qua hình ảnh con người an nhiên tự tại ngay giữa lòng thiên nhiên và ngay giữa cõi trần thế. Và cũng là cách con người hành thiền giữa cõi tục trong sự thức nhận “tất cả chỉ là ảo hóa”. Tìm về với tự nhiên, hòa điệu mệnh mang giữa nhân giới, nhiên giới trong thơ Phạm Thiên Thư không phải là để trốn tránh hiện thực, để chối bỏ cuộc đời nhiều hệ lụy mà ngược lại đó là một cách để đón nhận hiện thực vốn có. Và để làm được điều đó, ông đã khéo léo trong thái độ xuất xử với người, với đời. Thái độ đó được gói trọn trong một chữ “Hòa” : *Hữu hạn cùng vô hạn/ Long lanh một chữ Hòa* [56, tr. 133]. Hướng đến sự thoát tục, tìm về với tự nhiên cũng là một phương cách để giữ chữ Hòa đó trong ông.

Dường như chỉ có những gì thuộc về tự nhiên mới đủ sức diệu giác đối với tâm hồn thi nhân. Người thơ tìm thấy được một trú xứ bình yên cho lòng mình trong cuộc rong chơi với nước xanh đó là: *“Ta có động hoa mơ/ nơi cội nguồn trí tuệ /Chảy xanh màu thiện thế/ tươi một trần gian thơ”* [56, tr. 16].

b. « Trăm năm thoát khỏi đảo điên buộc mình »

Trong cõi thơ của riêng mình, bên cạnh những vần thơ hiển lộ cảm thức về cái vô thường, vô ngã nhuộm màu Đạo, thơ Phạm còn thể hiện niềm vui giữa Đời, giữa cõi nhân sinh. Tìm về với thiên nhiên, trên hành trình đi nhật nhậm những hạt niềm vui sống trong

cõi trần tục Phạm Thiên Thư đã để lại dấu ấn trong lòng người đọc những vần thơ nhuần nhị, băng láng của đạo với một chút tình người, tình đời thiết tha. Các thi phẩm của Phạm thi sĩ như là những khúc tình ca của thiên nhiên, của đời sống và của con người trong cõi nhân sinh. Con người hòa nhập với thiên nhiên vũ trụ, an trú trong thế giới thanh bình, tùy duyên mà vui với một: *“Cõi lòng bát ngát mây xanh/ Đồi xoay đương thức kết thành thiện duyên/ Giữa đời Tự Chỉnh như nhiên/ Trăm năm thoát mối đảo điên buộc mình”*.

Với thơ và qua thơ vừa phản chiếu cái tâm thức con người trong sự hòa nhập với thế giới tự nhiên, vừa thể hiện trạng thái an nhiên tự tại trong tâm hồn con người khi tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc “giữa đời tự chỉnh như nhiên” nơi cõi thế. Đó cũng là cách để con người « thoát mối đảo điên buộc mình » trong cõi trăm năm này.

*** Tiểu kết**

Thơ ca của các tác giả viết về thiền nói chung và những vần thơ mang cảm thức thiền của Phạm Thiên Thư nói riêng trở thành những giai điệu kết nối yêu thương của những tâm hồn thăng chứng từ trong cuộc sống trần thế đầy những gam màu đa dạng. Qua thơ, Phạm Thiên Thư giúp chúng ta nhận diện rõ hơn quan niệm về thế giới vô thường, con người vô ngã. Tất cả không ngoài mục đích chuyển hóa tâm thức con người để thiết lập một cuộc sống an lành, giải thoát khổ đau ngay giữa đời thường, để tìm thấy sự an nhiên tự tại, sự “như nhiên” trong lòng của vũ trụ, tự nhiên.

Chương 3

CẢM THỨC THIÊN TRONG THƠ PHẠM THIÊN THƯ NHÌN TỪ NGHỆ THUẬT BIỂU HIỆN

Từ trước đến nay khi đánh giá sự thành công của một tác phẩm hay một thể loại văn học người ta không chỉ chú ý đến nội dung mà còn quan tâm cả đến những phương thức nghệ thuật được sử dụng bởi lẽ văn học bao giờ cũng là sự gắn bó mật thiết giữa nội dung và hình thức. Một cảm hứng khi bắt gặp một nội hình thức phù hợp đã cho ra những áng văn giá trị. Điều này cũng cho thấy được tài năng nghệ thuật của các tác giả.

3.1. Ngôn ngữ

3.1.1. *Lời vô ngôn – « dĩ tâm truyền tâm »*

Với Thiên, thái độ đúng đắn nhất là để trực nhận bản thể, là im lặng (vô ngôn), lìa xa ngôn ngữ, văn tự. Thiên là kinh nghiệm của tâm linh, nên "... trực chỉ nhân tâm / kiến tánh thành Phật" là ngôn ngữ của Thiên vậy. Martin Heidegger (1889- 1976), triết gia người Đức, trong cuốn "Trên đường về với ngôn ngữ", có viết: " Ai có thể im lặng được sự Im Lặng một cách bình dị thuần nhiên? Điều đó hẳn sẽ là Điệu Nói chân chính... Và là khúc khai tấu hằng cửu của cuộc song thoại chân chính về ngôn ngữ." [6, tr.35]. Ngôn ngữ thơ đã là "Điệu Nói chân chính" ấy "vì thơ là một thứ biểu hiện nghệ thuật (...) tạo ra sự tân tươi, tinh xác, giản khiết, sinh động và ưu mỹ, để biểu hiện thành ngôn ngữ thích đáng của tính linh con người." [15].

Mỹ - Cái Đẹp cũng như Thiên, chỉ là *sự cảm thụ*. Vì lẽ đó, khi đi vào tìm hiểu và cảm thụ vẻ đẹp thơ Phạm Thiên Thư dưới góc độ những vần thơ mang cảm thức thiên là đi vào

cảm nhận (trên những nét cơ bản nhất) tinh thần vô ngôn trong thơ của ông. Ngôn ngữ thơ Phạm Thiên Thư là một kiểu ngôn ngữ được đánh bóng bởi lớp sơn nước tự nhiên. Là giây phút thăng hoa của cảm xúc, nó mang một cảm thức thiền. Nó là khoảnh khắc trực nhận bằng vô ngôn. Tất cả được hiển lộ qua những vần thơ của ông. Đó là cõi tâm không. Cõi *tâm không* ấy chính là Thiền tâm “*Diệu hành - là tiếng Không Ta / Không thanh âm ấy mới là âm thanh*”[53, tr.41]. Giàu nhạc tính cũng là một đặc điểm trong ngôn ngữ thơ Phạm Thiên Thư. Nhiều thi phẩm của ông đã trở thành những nhạc phẩm hay, thấm đẫm hương thiền như *Đưa em tìm Động Hoa Vàng, Em lễ chùa này, Gọi em là đóa sầu* và đặc biệt là với *Mười bài Đạo ca...*

3.1.2. Thi hóa ngôn ngữ của Thiền

Điều làm nên nét đặc sắc riêng trong ngôn ngữ thơ Phạm Thiên Thư không chỉ ở tinh thần “vô ngôn”, ở tính nhạc thấm đẫm hương Thiền mà còn ở cách sử dụng Thiền ngữ trong thơ ông. Dĩ nhiên, để chuyển tải tinh thần “vô ngôn”, thiền ngữ đã chiếm một vị thế quan trọng. Có thể thấy điều này qua tần số xuất hiện của rất nhiều từ Hán Việt cùng khá nhiều từ ngữ tôn giáo, nhất là Phật giáo trong thơ Phạm Thiên Thư. Nhiều thiền ngữ của nhà Phật cũng phủ đầy trong thơ ông. Các khái niệm như *ta bà, vô minh, diệu hành, thân, nghiệp, giả tướng, vô thường, vô ngã, chân thường, chân như, sắc không, hư không, siêu thoát, ảo huyền, huyền vọng, huyền hóa, tánh không, giải thoát, an trụ...* đều được nhắc đến. Hoặc các từ ngữ chỉ dành riêng cho nhà Phật như: *Thấp nén, đốt trầm hương, dâng quả, dâng hoa, thỉnh chuông, cúng kính, mở kinh, khai mõ, khép kinh*. Có thể thấy, việc thi hóa ngôn ngữ của Thiền đã góp phần làm nên nét độc đáo riêng trong những vần thơ của Phạm Thiên Thư. Vô

ngôn là triết lý về sự im lặng. Im lặng hay vô ngôn trở thành ngôn ngữ của Thiền. Đọc những vần thơ mang cảm thức thiền của Phạm Thiên Thu, ta phân nào cảm nhận ngôn ngữ vừa bằng bạc nhạc tính lại vừa phảng phất một phong vị thiền trong thơ ông. Tất cả làm nên một vẻ đẹp vừa có phần siêu thoát vừa sang trọng trong tiếng thơ của thơ Phạm Thiên Thu.

3.2. Giọng điệu

Giọng điệu là một phạm trù thẩm mỹ của tác phẩm văn học. Phong cách của nhà văn, nhà thơ được xác định là nhờ vào giọng điệu mà tác giả đã thể hiện trong các sáng tác của mình.

Đọc thơ Phạm Thiên Thu, ta nhận ra trong thơ ông có giọng điệu triết lý và trữ tình tha thiết. Tuy là phân biệt như vậy nhưng thực ra hai kiểu giọng điệu này có sự kết hợp, lồng ghép vào nhau làm nên sắc điệu riêng cho tiếng thơ Phạm thi sĩ.

3.2.1. Giọng triết lý

Với khu vườn ngôn ngữ vừa giàu nhạc tính, vừa giản dị, chân thật và mang màu sắc Thiền, nhà thơ Phạm Thiên Thu như được thỏa mình biểu lộ những tri nhận, xúc cảm và triết lý của riêng mình về thế giới vô thường, con người vô ngã..

Giọng triết lý trong thơ Phạm Thiên Thu thường gắn với hình thức ngắt đoạn trong bài thơ và cùng với đó là các dạng kết thúc: khi thì dạng câu cảm thán ở cuối bài với ngữ điệu trầm lắng, kết lại bằng dấu chấm than; khi lại là câu hỏi tu từ đi kèm dấu bỏ ngoặc. Hoặc như kiểu dạng câu nghi vấn mà tự khẳng định bằng dòng cảm xúc, suy tư không lời giải đáp. Giọng điệu triết lý trong thơ Phạm thường gắn với những suy nghĩ, cách cảm nhận về số phận con người, số phận tình yêu và về cái vô thường của cuộc đời đang hiện hữu. Ở Phạm Thiên Thu, tính triết lý của Thiền học được gắn với giọng điệu nhẹ nhàng,

trang nhã, đã thể hiện được sắc điệu cảm xúc của nhà thơ trước lẽ vô thường - hư không ấy. Giọng điệu đó trong thơ Phạm Thiên Thu còn thể hiện qua những thanh âm trầm kết hợp âm điệu trải dài. Trong thơ của Phạm, nếu xét kỹ, ta dễ dàng nhận ra trong từng bài thơ, câu thơ thanh bằng, thanh ngang chiếm ưu thế hơn thanh trắc; thiên về âm vực trầm hơn bổng. Có thể thấy, giọng điệu trong thơ Phạm Thiên Thu hòa gắn với nội dung trữ tình, với những tứ thơ chất chứa lẽ đời, lẽ vô thường hay sự trầm lắng suy tư về số phận – kiếp người cũng như những giây phút hoài niệm, ưu tư chính là giọng điệu triết lý nhưng lại rất nhẹ nhàng, thanh thoát trong thơ của ông.

3.2.2. Giọng trữ tình

Đây là giọng điệu đặc trưng để thể hiện những xúc cảm tinh tế về tình yêu cũng như khát khao vươn mình ra với tự nhiên, vui niềm vui trần thế và vọng hướng về cõi thoát tục của cái tôi trữ tình của nhà thơ. Và thơ tình chính là mảnh đất màu mỡ đầu tiên để chất giọng thi ca ấy được thể hiện. Cái hay trong giọng thơ Phạm Thiên Thu chính là ở chỗ, lúc nào cái thực cũng hòa quyện cùng cái hư không, bàng bạc một cảm thức Thiền - hư ảo, nhẹ nhàng, thanh thoát ngay cả khi miêu tả người yêu hay khi nói về tình yêu. Tình yêu bắt nguồn từ tiếng gọi trong sâu thẳm tâm hồn nhưng lại được thốt nên bởi sự lặng im chờ đợi. Im lặng – vô ngôn nên tình yêu ấy mang đậm nét chân thật, lắng sâu. Sự cảm nhận tinh tế, cách thể hiện vừa nồng nàn vừa e dè, lấp lửng trong tình yêu lứa đôi đã đem đến cho thơ Phạm Thiên Thu một giọng thơ với một sắc thái riêng nhẹ nhàng, sâu lắng, đầy chất trữ tình. Thơ Phạm Thiên Thu đọng lại cái tình hòa cùng Đạo trong những lời thơ mang giọng điệu vừa triết lý nhẹ nhàng vừa trữ tình thiết tha. Tình điệu ấy quyện hòa cùng cảm thức Thiền bằng lắng của chốn thiền môn đã tạo nên một phong cách

thơ thanh thoát, trong sáng và lãng mạn của Phạm Thiên Thư. Điều đó đã, đang và vẫn luôn được khẳng định trong lòng bạn đọc yêu thơ.

3. 3. Hình ảnh, biểu tượng thơ

3.3.1. Hình ảnh thơ

Không mang nặng tính kinh điển, thơ Phạm Thiên Thư đã sử dụng các hình ảnh trên một cách nhẹ nhàng, linh hoạt vừa mang tinh thần Thiền lại vừa tạo một ấn tượng riêng. Phải nói rằng hình ảnh trong thơ Phạm thi sĩ rất phong phú và đa dạng. Sự tỉnh thức của con người trước những hình ảnh gắn liền với những sự vật đơn sơ bình dị; với vẻ đẹp tĩnh lặng của bức tranh phong cảnh đã gọi lên sự thanh tịnh thoát tục trong lòng người. Mong manh, ngắn ngủi, dễ thay đổi, tan biến như cánh chim bay, sương - khói - mây, giấc mộng ... là những hình ảnh thơ xuất hiện với tần số cao, góp phần thể hiện rõ nét cảm thức về cái vô thường của vũ trụ, sự giao hòa giữa vạn vật, cái vô ngã của phận người... trong thơ Phạm thi sĩ.

Đọc thơ Phạm là đến với những vần thơ trong trẻo như sương, bàng bạc màu khói mây, đẹp nhưng dễ tan biến như một giấc mộng. Tất cả tạo nên một cảm thức Thiền nhẹ nhàng, thanh thoát trong thơ Phạm Thiên Thư.

3.3.2. Biểu tượng thơ

a. “Động Hoa Vàng” – Cõi thiền hay không gian thoát tục

“Động Hoa Vàng” này là một không gian hư vô – không gian thoát tục đắm hương Thiền. “Động Hoa Vàng” trước hết là “cõi giới tâm thức”, là những gì “màu nhiệm”, là một cõi “trở về” của dòng “dịch hóa”. Đặc biệt, với *Hoa và Trăng, Nước, dòng suối* đã vẽ nên một “Động Hoa Vàng” kỳ diệu, một không gian bát ngát hương hoa, đầy nguồn vui sống của cõi Như Lai Cực Lạc chỉ có

riêng trong thơ Phạm Thiên Thư. Ở đó, tâm thức con người như được hòa quyện cùng với miền cỏ hoa, bên hoa tươi, miền cỏ thơm...; suối mây hồng, dòng suối tơ huyền, suối hoa rừng; non xanh, núi cao, đồi dạ lan, cánh chim và cửa sương, khói, mây... Tất cả mang một vẻ đẹp huyền hồ, hư ảo và siêu thoát. Cũng vì lẽ đó mà “Động Hoa Vàng” không gì khác chính là biểu tượng về một thế giới của cõi mộng, là cõi thoát tục, là bến mơ của con người khi không còn muốn vương mùi tục lụy. Đây chính là biểu tượng đặc sắc nhất trong thơ Phạm Thiên Thư.

b. “Mùa xuân an lạc” – Thời gian vĩnh cửu

Mùa xuân trong thơ Phạm thi sĩ có một nét riêng. Thanh tịnh, nhẹ nhàng, bằng lãng của chốn Thiên môn. Đó là mùa xuân của tâm hồn con người đạt đến cảnh giới của an lạc, như nhiên giữa lòng tự nhiên. Mùa Xuân – mùa hồi sinh của tạo vật cũng là sự bừng sống mãnh liệt của tâm tư. Trong thơ Phạm cũng có một mùa xuân như thế. Nó không chỉ là mùa xuân của ngoại giới mà còn là mùa xuân của tâm giới, khi con người đã buông bỏ tất cả để tìm tới cõi tịch diệt của Thiên. Đó là mùa xuân vĩnh cửu của vũ trụ, lòng người, của cõi Tâm không với “lòng mênh mông”(Đạo ca)

c. “Gã từ quan” và những biến thể

Đến với cõi thơ của Phạm Thiên Thư, ta lại được đưa đến một thế giới tịch lặng, đơn sơ nhưng lại lung linh nguồn ánh sáng huyền thoại. Thế giới ấy là nơi câu chuyện cổ tích diễn ra: *Rừng xưa có gã từ quan/ lên non tìm động hoa vàng ngủ say* [52, tr. 35]. “Gã từ quan”, “gã chiêm bao”, “một đạo sĩ” từ bỏ bụi trần, tìm về vui với đạo trong trạng thái an nhiên thanh thoi giữa lòng thiên nhiên của núi non, cỏ hoa, nhật nguyệt. Bè bạn cùng gió mưa, đi về cùng trăng sao. “Gã từ quan” trong tư thế “rũ áo mây trôi”, “gối trắng đánh giặc”-

hình ảnh con người không vương bận thế tục, coi nhẹ lẽ được mất, xem lợi danh như bóng mây chìm nổi, từ bỏ chốn bụi trần để được sống trong bình yên, thanh thản.

Bên cạnh “gã từ quan”, trong thơ Phạm Thiên Thư có khi ta còn bắt gặp hình ảnh Thiền sư xa mờ, hư ảo lẫn trong một vẻ đẹp siêu thoát giữa chốn không lụy phiền. Gắn liền với “thiền sư” là các hình ảnh có tính biểu trưng cao đó là chiếc áo nâu sồng, chuỗi bồ đề và dòng kinh, những trang kinh. Hình ảnh gã từ quan hay hình ảnh vị thiền sư khoác áo nâu sồng, tay lần chuỗi hạt bồ đề, tụng dòng kinh để tìm sự an nhiên mà lòng đôi lúc vẫn vương chút tình cõi thế đã làm nên nét riêng trong thơ Phạm và ngay Phạm Thiên Thư cũng nhận mình là vị “thiền sư ỡm ờ”: *Hỏi con vạc đậu bờ kinh / Có sao lặn đạn cái hình không hư / Vạc rằng: thừa bác Thiên Thư / Mặc chi cái áo thiền sư ỡm ờ (Động Hoa Vàng, LX)*. “Thiền sư ỡm ờ” phải chăng là chất Đời và Đạo đi về trong một Người Thơ có tên là Phạm Thiên Thư?

*** Tiểu kết:**

Thơ Phạm Thiên Thư hòa giữa Đời và Đạo, ta có thể nhận thấy điều đó trong thơ ông với cách thể hiện tinh thần vô ngôn, thiền ngữ; một tiếng thơ mang một giọng điệu; cách gợi giàu hình ảnh và các biểu tượng thơ phong phú. Chính bởi sự giàu có về ngôn ngữ, phong phú về giọng điệu, với các lớp hình ảnh và biểu tượng ấy mà những trang thơ mang đậm cá tính sáng tạo và sự tài hoa của riêng tu sĩ - thi sĩ Phạm Thiên Thư.

KẾT LUẬN

Là một nghệ sĩ, Phạm Thiên Thu cũng ý thức được “Cái chi còn lại họa còn văn chương”. Là một nhà thơ, Phạm Thiên Thu đã là “người thư ký trung thành của trái tim” mình. Trong thơ Phạm, chất Đời và Đạo, cõi thơ và cõi thiền hòa hợp, liên chuyển tạo cho thơ ông một cảm thức Thiền vừa mang dáng dấp chân dung cuộc đời nhiều biến động của người Việt, đồng thời vừa là luồng gió mát nhân văn và tâm linh mà con người trong những thập niên 60-70 cuối thế kỷ XX khai công tìm kiếm. Nhẹ nhàng thanh thoát nhưng cũng đầy dư ba là điểm nổi bật trong thế giới thơ phong phú, đa dạng mà rất mực vi diệu của Phạm Thiên Thu

Những vần thơ mang cảm thức Thiền của Phạm Thiên Thu là những cái nhìn phong phú và tinh tế về tình cảm giữa người với người, giữa người với vạn vật. Thơ ông đi vào chiều sâu tâm thức con người trong sự hòa hợp, tương thông giữa vạn vật và vũ trụ. Lắng mình vào tự nhiên để thức nhận và tri nhận được lẽ vô thường, vô ngã của vũ trụ, nhân sinh. Thơ Phạm Thiên Thu sang trọng, thanh cao là nhờ ở Thiền vị đó. Thiền vị tạo nên cái đẹp mới lạ trong những áng thơ và làm thăng hoa thơ Phạm Thiên Thu.

2. Với đề tài “*Cảm thức Thiền trong thơ Phạm Thiên Thu*”, luận văn này là sự khái quát một cách có hệ thống về giá trị mà thơ Phạm Thiên Thu đem lại trên cả hai phương diện nội dung trữ tình và nghệ thuật biểu hiện. Ở chương một, người viết đã làm rõ đôi nét về cuộc đời, con người, quan niệm sống và quan niệm thơ ca – những nhân tố đã ảnh hưởng đến sự hình thành hồn thơ trong sáng, trữ tình ở Phạm Thiên Thu. Tiếp đến, người viết đã đi vào giới thuyết khái niệm và sơ lược đôi dòng về ảnh hưởng của Thiền trong văn học phương Đông. Đồng thời đi đến khẳng định chất Thiền trên

những trang thơ của ông có sức lôi cuốn và hấp dẫn bởi phong vị riêng.

Trong chương hai, người viết đã trình bày một cách hiểu riêng về cảm thức Thiền trên những vần thơ của Phạm Thiên Thu. Nhìn từ quan niệm về thế giới và con người, những thi phẩm thơ Phạm Thiên Thu đã hiển lộ cảm thức về lẽ vô thường, vô ngã của vạn vật, vũ trụ và trong quan niệm về nhân sinh của con người. Đi từ cảm thức đến nhận thức để rồi chọn cho mình một cách “tham Thiền” trên những trang thơ, cách hành Thiền giữa cõi tục, Phạm Thiên Thu đã đem lại cho người đọc những giây phút an nhiên, thanh thoi và hòa ái trong tâm hồn của mỗi người ngay giữa lòng của tự nhiên. Đây chính là những đóng góp của thơ Phạm Thiên Thu về phương diện nội dung trữ tình. Đi từ nghệ thuật để cảm nhận sâu sắc hơn về nội dung trữ tình trong thơ, chương ba đã tìm hiểu và làm rõ nghệ thuật biểu hiện của những thi phẩm mang cảm thức Thiền của Phạm Thiên Thu.

Trong khuôn khổ luận văn, người viết chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu một vài khía cạnh về cảm thức Thiền trong thơ Phạm Thiên Thu nhìn từ quan niệm về thế giới và con người chứ chưa khai thác hết những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tiếng thơ Phạm Thiên Thu. Tuy nhiên, luận văn cũng đã khẳng định được vị trí của thơ Phạm Thiên Thu cho văn học Việt Nam (miền Nam) giai đoạn 1960-1975. Việc tập hợp lại những vần thơ mang cảm thức thiền của Phạm Thiên Thu thành hệ thống, người viết hy vọng phần nào tái hiện lại được chân dung, phong cách của một nhà thơ có tên tuổi ở miền Nam Việt Nam trước 1975. Điều đó giúp người đọc có một sự nhìn nhận, đánh giá, ghi nhận một cách thỏa đáng công lao của các nhà

thơ về nền văn học trong một giai đoạn được xem là nhạy cảm trong tiến trình phát triển của văn học dân tộc.